

Bản án số: 56/2020/DS-PT
Ngày: 14-5-2020
V/v tranh chấp: “Đòi tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo

Bà Trần Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 và 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020; về việc tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân thành phố CĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị U, sinh năm 1936

Cư trú: Số 254/5/76, đường LVT, phường 11, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Hoàng Công Kh, sinh năm 1973 (Văn bản ủy quyền ngày 14/6/2019). (có mặt)

Địa chỉ: Số 50/8, đường DTP, phường 9, quận PN, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Trần Hải B, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cư trú: Số 20, đường số 02, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Đường số 4, khu dân cư CP, khóm CT3, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi – Nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà La Thị Ph, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cư trú: Số 20, đường số 02, khóm CL, phường CP, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

3.2 Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1958 (có mặt)

Cư trú: Số 254/5/76, đường LVT, phường 11, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Bà Lã Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Cư trú: số 58, đường số 11, phường 11, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Phạm Thị U là nguyên đơn và bà Phạm Thị Thu H là người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện:

Nguyên đơn ông Hoàng Công Kh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị U trình bày:

Ngày 29/6/2015, nguyên đơn bà Phạm Thị U có nhận chuyển nhượng từ ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị Phương Th 01 căn nhà tọa lạc số: 102/92/9, đường LVT, phường 11, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 20261, ngày 29/6/2015, tại Phòng Công chứng số 5, thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà U tặng cho lại bà Phạm Thị Thu H theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số công chứng 33646 ngày 09/10/2015; quyển số 10 và bà H đã được cấp giấy. Năm 2018, cháu ngoại tên là Trần Hải B thường xuyên lui tới thăm hỏi sức khỏe của bà U. Vì thấy bà ở nhà một mình không ai chăm sóc nên B có đề cập nói bà U bán nhà đi về ở với ông B. Cụ thể mua phần đất bên cạnh nhà ông B, xây nhà ở gần đó để tiện đường chăm sóc cho bà U. Vì tin tưởng nên đã bán căn nhà số: 102/92/9 LVT, quận GV cho bà Lã Thị T với giá là 1.950.000. 000 (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền này bà U nhờ bà T chuyển toàn bộ vào tài khoản của Trần Hải B, tại Ngân hàng Vietcombank CĐ, số tài khoản: 0471000015522 với nội dung chuyển tiền mua nhà số 102/92/9 LVT, phường 11, quận GV cho bà Phạm Thị Thu H. Cụ thể, chia làm 03 lần như sau:

- Lần 01 đặt cọc khi mua nhà, đưa tiền mặt cho B số tiền là: 100.000.000 (một trăm triệu) đồng;

- Lần 02 chuyển vào tài khoản số tiền là: 1.450.000.000 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu) đồng;

- Lần 03 chuyển vào tài khoản số tiền là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng.

Sau khi về sống cùng B (cháu ngoại) khoảng 03 tháng thì bà U bị bệnh nặng phải cấp cứu điều trị ở Bệnh viện trên thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi điều trị

bệnh xong về lại nhà thì được biết B đã đem toàn bộ đồ đạc, vật dụng của bà dọn ra khỏi nhà. Bà U yêu cầu B bán căn nhà ở CD và trả lại số tiền bán nhà lúc trước cho bà nhưng B không đồng ý bán.

Vì vậy, bà U yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Trần Hải B phải hoàn trả toàn bộ tiền bán căn nhà số 102/92/9, đường LVT, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh là 1.950.000.000 (Một tỷ, chín trăm, năm mươi triệu đồng); Trong trường hợp Trần Hải B không có khả năng trả tiền bán nhà thì phải làm thủ tục sang lại căn nhà số 20, đường 02, khóm CL, phường CP, thành phố CD, tỉnh An Giang cho nguyên đơn bà Phạm Thị U vì giữa nguyên đơn và bà Thu H có thỏa thuận miệng kèm theo là “Biên bản thỏa thuận và cam kết đề ngày 15/6/2016” nếu bà H không thực hiện đúng cam kết thì hợp đồng vô hiệu.

Bị đơn anh Trần Hải B trình bày: Anh (B) xác định anh có nhận nhiều lần tiền tổng cộng 1.950.000.000 (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng do bà Lã Thị T chuyển khoản tiền mua nhà từ mẹ (Thu H) và mẹ của anh đã cho anh toàn bộ số tiền bán nhà này và chuyển khoản cho anh tại Ngân hàng Vietcombank thành phố Hồ Chí Minh vào tài khoản của anh mở tại Ngân hàng Vietcombank CD, số tài khoản: 0471000015522, 02 lần cụ thể lần 01 chuyển vào tài khoản số tiền là: 1.450.000.000 (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu) đồng, lần 02 chuyển vào tài khoản số tiền là: 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng và 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng đặt cọc trước đó anh nhận trực tiếp khi bà T đặt cọc, nhưng thời gian đã lâu nên anh không nhớ cụ thể. Anh xác định đây là số tiền mẹ của anh (Thu H) bán nhà cho bà T và đã cho anh, không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị La Thị Ph trình bày: Thống nhất ý kiến trình bày của ông Trần Hải B.

Bà Phạm Thị Thu H trình bày: Bà là con ruột của bà Phạm Thị U và là mẹ của Trần Hải B. Năm 2015, mẹ ruột của bà là Phạm Thị U có nhận chuyển nhượng từ ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị Phương Th 01 căn nhà tọa lạc số 102/92/9, đường LVT, phường 11, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng mua bán số 20261, ngày 29/6/2015, tại Phòng Công chứng số 5 thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, mẹ bà cho lại bà quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở theo hợp đồng tặng cho số 33646 ngày 09/10/ 2015 và bà đã được cấp giấy. Việc mẹ bà cho bà có làm hợp đồng và được công chứng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, việc mẹ bà cho bà là do xuất phát từ việc do mẹ bà lớn tuổi đi lại khó khăn nên cho bà (Hong) đứng tên trên danh nghĩa để thuận tiện đi lại đóng thuế hoặc thực hiện nghĩa vụ khác nếu có đối với Nhà nước chứ bà không có toàn quyền quyết định việc mua bán cho người khác nếu không có sự đồng ý của mẹ bà. Đến năm 2016 để có căn cứ chứng minh việc mẹ bà cho bà đứng tên có điều kiện nên 02 mẹ con có lập văn bản cam kết có điều kiện đó là Biên bản thỏa thuận và cam kết giữa bà Phạm Thị U với Phạm Thị Thu H đề ngày 15/6/2016.

Năm 2018, ông Trần Hải B là con trai của bà thường xuyên lui tới thăm hỏi sức khỏe của mẹ bà (bà ngoài của B), khi đó mẹ bà nói rằng do mẹ bà lớn tuổi nên muốn vào Viện dưỡng lão để sinh sống tuổi già còn lại, B nói với bà không nên nếu

như vậy người khác sẽ cười chê con cháu nên có đề cập nói bà U bán nhà đi về ở với B tại CD. Cụ thể mua phần đất bên cạnh nhà B, xây nhà ở gần đó để tiện đường chăm sóc cho bà U. Vì tin tưởng nên bà U đã liên hệ và chuyển nhượng nhà - đất cho bà T nhưng bà (Thu H) là người ký giấy tờ chuyển nhượng với Tâm theo yêu cầu của mẹ (Phạm Thị U) giá sang nhượng đất cùng căn nhà số: 102/92/9 LVT, quận GV cho bà Lã Thị T với giá: 1.950.000. 000 (Một tỷ, chín trăm năm mươi triệu) đồng và số tiền này bà U nhờ bà T chuyển toàn bộ vào tài khoản của B, tại Ngân hàng Vietcombank CD, số tài khoản: 0471000015522 với nội dung chuyển tiền mua nhà số 102/92/9, đường LVT, phường 11, quận GV cho bà Phạm Thị Thu H (nhưng thật chất đây là tiền bán nhà của mẹ (U) mà bà đứng tên trên giấy chuyển cho B). Cụ thể, chia làm 03 lần: Lần 01 đặt cọc khi mua nhà bà T đưa bà 150.000.000 đồng, bà đưa tiền mặt cho B số tiền là: 100.000.000 đồng để về CD đặt cọc mua đất gần nhà B trước thời điểm chuyển tiền cho B số tiền còn lại từ việc bán nhà vài ngày nhưng bà không nhớ cụ thể; lần 02 chuyển vào tài khoản của B số tiền: 1.450.000.000 đồng; lần 03 chuyển vào tài khoản của B số tiền là: 400.000.000 đồng cùng ngày 23/3/2018. Khi Chuyển tiền bán nhà cho B mẹ bà (U) có biết và không có ý kiến. Bởi vì chuyển tiền để mua đất cất nhà cho mẹ bà (U) sinh sống theo yêu cầu của mẹ bà (U). Bà (H) xác định số tiền chuyển khoản cho B là khoản tiền của mẹ (U) chuyển cho B mua đất cất nhà. Do đó, bà (H) thống nhất yêu cầu kiện mẹ là bà U.

Chị Lã Thị T trình bày: Vào khoảng ngày 23/3/2018, chị có nhận chuyển nhượng nhà - đất của bà Thu H giá chuyển nhượng là 1.950.000.000 đồng. Bà (T) được biết nhà – đất là của bà U, bà U nhờ bà Thu H đứng tên dùm và ký tên mua bán. Việc mua bán có công chứng chứng thực theo quy định của pháp luật. Chị có đặt cọc trước 150.000.000 đồng đưa cho bà H và đưa toàn bộ số tiền còn lại sau khi công chứng hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản con của bà H là anh B 02 lần số tài khoản mở tại Ngân hàng Vietcombank CD theo yêu cầu của bà H, nội dung chuyển tiền mua căn nhà 102. Sau khi chuyển tiền chúng tôi đã hoàn tất thủ tục được cấp giấy và chị đã chuyển nhượng lại cho người khác. Chị không có ý kiến gì đối với việc tranh chấp giữa nguyên đơn (U) và anh B.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố CD đã xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 09/12/2019 bà Phạm Thị U và bà Phạm Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố CD;

Diễn biến tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án;

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn phát biểu ý kiến: đề nghị xem xét chứng cứ là tờ giấy ông B ghi thể hiện “con đồng ý bán 02 căn nhà tại CD4.500.000.000đ; Việc bà H bán nhà cho bà T và có chuyển tiền vào tài khoản của B 1.950.000.000đ được các bên thừa nhận là tiền mua bán nhà; giữa bà U và bà H cũng có tờ thỏa thuận là bà H chỉ đứng tên dùm cho bà U, nên tài sản này vẫn thuộc quyền sở hữu của bà U chứ không phải của bà H, nên đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện, đơn kháng cáo sửa án sơ thẩm buộc ông B trả lại số tiền 1.950.000.000đ lại cho bà U;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phát biểu ý kiến: Bà H thống nhất theo ý kiến của đại diện của nguyên đơn phát biểu; buộc ông B trả tiền lại cho mẹ tôi là bà U, vì mẹ tôi cũng già yếu nên mong muốn được nhận lại số tiền này;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật;

- Về nội dung: Căn cứ vào các chứng tài liệu liên quan trong vụ án thấy có đủ cơ sở tài sản là căn nhà số 102/92/2 đường LVT, quận GV do bà H đứng bán cho bà Lã Thị T với giá: 1.950.000.000đ vẫn còn là tài sản của thuộc quyền sở hữu của Út nên nên bà U kiện B đòi lại số tiền là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm buộc ông Trần Hải B trả lại cho Phạm Thị U số tiền 1.950.000.000đ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị U và người liên quan bà Phạm Thị Thu H nộp đơn kháng cáo, đóng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: ông B, bà Phượng và và Tâm đã được triệu tập hợp lệ lần 2 những vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ các khoản 3 Điều 296 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử theo thủ tục chung.

[3] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị U và bà Phạm Thị Thu H cùng chứng cứ, lời khai của các đương sự thì thấy, căn nhà, đất số 102/92/9 LVT, phường 11, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc của ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị Phương Th; ngày 29/6/2015 ông L bà Th đã làm hợp đồng chuyển nhượng cho bà Phạm Thị U hợp đồng này được công chứng chứng thực tại Văn phòng công chức số 5 thành phố Hồ Chí Minh; đến ngày 09/10/2015 bà Phạm Thị U làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản ở nêu trên cho con bà Phạm Thị Thu H; hợp đồng tặng cho này được Văn phòng công chức số 5 thành phố Hồ Chí

Minh công chứng chứng thực theo đúng quy định của pháp luật; căn cứ vào hợp đồng tặng cho này, nên ông Lê Quang L, bà Nguyễn Thị Phương Th đã làm thủ tục sang tên cho bà H vào ngày 26/10/2015 (thay đổi và cơ sở pháp lý tại trang 4 của Giấy nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở số CH 03868 ngày 23/8/2013 do Ủy ban nhân dân Quận GV cho bà Nguyễn Thị Phương Th);

[3.1] Căn cứ khoản 2 Điều 459 của Bộ luật dân sự thì hợp đồng tặng cho tài sản là 102/92/9 LVT, phường 11, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh đã có hiệu lực, nên quyền định đoạt về tài sản này thuộc về bà H;

[3.2] Ngày 23/3/2018, bà Phạm Thị Thu H làm hợp đồng chuyển nhượng căn nhà nêu trên cho bà Lã Thị T với giá 1.950.000.000đ (trong hợp đồng khai giá 100.000.000đ), hợp đồng này được Văn phòng công chức số 5 thành phố Hồ Chí Minh công chứng chứng thực theo đúng quy định của pháp luật; mục đích đem tiền về CĐmua đất cất nhà cho bà U; khi giao dịch không có mặt bà U, chỉ có bà H và bà T; về phương thức thanh toán tiền bà H đồng ý cho bà T chuyển khoản toàn bộ số tiền mua bán nhà cho con là ông Trần Hải B thông qua tài khoản tại Ngân hàng Ngoại thương chi nhánh CĐ; chứng cứ này phù với lời khai của Trần Hải B thừa nhận có nhận số tiền mua bán nhà của bà H là 1.950.000.000đ; nhưng nại rằng do bà H cho ông B, nên bà U không có quyền đòi lại;

[3.3] Do đó, nếu bà U cho rằng bà chỉ đồng ý cho bà H đứng tên dùm tài sản là căn nhà theo thỏa thuận cam kết giữa bà U và bà H đề ngày 15/6/2016, thể hiện nội dung bà H chỉ đứng tên căn nhà số 102/92/9 LVT, phường 11, Quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc sở hữu của Út còn bà H chỉ đứng tên hộ trên mặt giấy tờ; quyền mua bán, thế chấp, cho mượn, cho thuê,... vẫn thuộc quyền của bà U; nếu bà H có giao dịch thì phải có sự đồng ý của bà U,..(BL 49); thì bà U chỉ có quyền khởi kiện bà H về tranh chấp hợp đồng tặng cho tài sản; chứ không có quyền kiện ông Trần Hải B đòi lại số tiền 1.950.000.000đ;

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà H không có đơn yêu cầu độc lập về việc yêu cầu ông B trả lại số tiền mua bán nhà, nên Tòa án không thụ lý giải quyết; do đó cấp phúc không có căn cứ để xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Trong trường hợp này, bà H cũng có quyền kiện ông B đòi lại tài sản là số tiền mua bán nhà (khi giao dịch bà H đồng ý cho bên mua là bà T chuyển tiền vào tài khoản của ông B) bằng vụ án khác;

[5] Cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở; tại phiên tòa phúc thẩm đại diện của nguyên đơn, người liên quan bà H không cung cấp chứng cứ gì mới làm phát sinh giá trị pháp lý cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ để xem xét; Viện kiểm sát đề nghị sửa án buộc ông B trả lại 1.950.000.000đ cho bà U chưa phù hợp pháp luật;

[6] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Bà U, bà H là người cao tuổi (trên 60 tuổi), nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm theo điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 điều 148; điều 296 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; khoản 1 Điều 166 Luật đất đai năm 2013; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị U và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Thu H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố CD.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị U.
2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị U được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm;
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị U và bà Phạm Thị Thu H miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm;

Các Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 38/2019/DS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố CD, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC (1)
- VKSND.AG (1)
- TAND huyện (1)
- THA huyện (1).
- Toà Dân sự (2)
- Văn phòng.(1)
- Phòng KTNV & THA (1)
- Đường sự “ Đề thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn

